

Phẩm 38: LY THẾ GIAN

Sớ câu: “Căn cứ theo xứ gọi là ba Hội, Hội của điện Phổ Quang Minh”:

Vấn nơi phần Sớ giải gồm hai:

Một: Chính thức giải thích.

Hai: Giải đáp chỗ vướng mắc.

Nơi phần một lại gồm hai:

Thứ nhất: Nêu lên.

Thứ hai: Từ câu: “Hội trùng thứ bảy” tiếp xuống: Là giải thích, ý nhằm nêu rõ thứ bảy đã từng là Hội trùng, nên gọi là ba Hội, nhân tiện biện minh bảy, tám cùng Hội nơi điện Phổ Quang mà có sai biệt.

Sớ từ câu: “Nhưng phần trước sinh Giải sai biệt” tiếp xuống: Là phần hai giải đáp chỗ vướng mắc. Văn nêu hai vướng mắc:

Một là: Vướng mắc ngầm.

Hai là: Vướng mắc rõ.

Phần Một là có vướng mắc ngầm, tức vướng mắc về chỗ chẳng đồng của Hội trùng. Vấn nạn nêu: “Là một loại Hội trùng, vì sao trước thì trải qua nhiều Hội, còn ở đây chỉ có một Hội?”

Phần giải đáp có hai ý:

Thứ nhất: Trước căn cứ nơi Giải (lãnh hội) nên cần có nhiều Hội. Nay căn cứ nơi Hành nên chỉ một Hội, do sự dấy khởi tức thì.

Thứ hai: Trước căn cứ theo nẻo Hành bố nên trải qua nhiều quả vị chẳng đồng. Nay căn cứ nơi Viên dung nên nơi một Hội dấy khởi ngay. Ở nơi văn có thể xét, biết.

Sớ câu: “Trong đó chẳng cách biệt với Hội khác, vì sao có nghĩa của Hội trùng?”: Tức vấn nạn thứ hai về Hội trùng chẳng thành. Gồm hai chi tiết:

Một: Nêu vấn nạn.

Hai: Từ câu: “Nếu căn cứ theo thứ lớp” tiếp xuống: Là giải đáp. Có hai ý:

Thứ nhất: Là căn cứ nẻo Hành bố chẳng hủy hoại tướng, biên vực, dựa nơi thời gian để nêu rõ về sự trùng. Như người, trước ở nơi giảng đường này, tiếp tục như trước, lại ở giảng đường ấy há chẳng phải là trùng?.

Thứ hai: Từ câu: “Như căn cứ theo viên dung” tiếp xuống: Là dựa theo nẻo Viên dung, căn cứ nơi nghĩa để biện minh về Trùng. Gồm ba chi tiết:

Một là: Nêu lên.

Hai là: Từ câu: “Nên chẳng động hai nơi trước” tiếp xuống: Là nêu vấn nạn ngược lại để xác nhận.

Ba là: Dùng dụ để hiển bày riêng. Trong “hai là” nói: Ý ông vừa hỏi: Hội hai đến hội bảy có bốn hội ở giữa cách khoảng nên được gọi là trùng. Hội bảy, hội tám không có cách khoảng sao gọi là trùng? Nay nói: Hội hai so với hội bảy cũng không là vượt qua khoảng cách. Vì sao? Vì chẳng khởi thân ở cây Bồ đề (Giác thọ) mà lên bốn cõi trời. Bốn cõi Trời và cây Bồ đề quyết định là cùng lúc. Hội sáu ở trời Tha hóa sau tức liền nói hội thứ bảy, chẳng từng vượt qua khoảng cách. Vậy thì hội hai và bảy chẳng là cách cũng được gọi là trùng, nay bảy, tám không là cách sao chẳng được gọi là trùng? Rõ ràng biết căn cứ theo nghĩa, kết luận mới thành. Hội bảy tám trùng đều căn cứ nơi nghĩa. Nhưng nói: Chẳng động hai trước, tuy trong văn nói là chẳng khởi thân ở cây bồ đề, cho Điện Phổ Quang là gần đó, nên không nói riêng. Thật ra, thì không khởi thân nơi hai trước mà nhanh chóng lên bốn cõi trời. Tức là nghĩa đó.

Sớ từ câu: “Cũng giống như Ánh sáng của ngọn đèn” tiếp xuống: Là phần “ba là” dùng dụ để hiển bày. Ánh sáng tuy hòa nhập nhưng tùy nơi đèn mà có sai khác. Thời gian, nơi chốn tuy là một nhưng căn cứ nơi nghĩa chẳng đồng, do căn cứ theo Viên dung, trong một thời gian đã diễn nói tức thì, nên vì đấy mà cần thông tỏ.

Từ câu: “Cũng tương tự như tim của ngọn đèn” tiếp xuống: Là lại dùng dụ để làm rõ thêm, dụ trước thì đèn khác, Ánh sáng là trùng. Ở đây thì đèn là một, Ánh sáng thì khác. Đèn là một dụ ở hai Xứ. Ánh sáng trùng hợp dụ nơi ba Hội chẳng đồng.

Câu: “Đáp lại vấn nạn về hai ngàn nơi Kinh”: Tức dựa nơi Kinh “Độ Thế Phẩm” (Tương đương với Phẩm Ly Thế Gian), Bồ-tát Phổ Trí bạch Phật Thế Tôn! Chư vị Bồ-tát đến với chúng hội, người thông đạt thì không bị trở ngại gì. Còn hàng trung, hạ, thì đều ôm lòng do dự, đều có tâm niệm cho rằng: sự vật rất nhiều, phức tạp, chẳng rõ sự việc nào có thể xả bỏ hay phụng trì. Kinh xin Phật phân giải. Phật tán thán: Lành thay! Như Lai sẽ vì ông mà giảng nói. Nay Bồ-tát Phổ Trí! Dụng có hai thứ, nên hỏi hai thì đáp lại dùng đến hai ngàn”: Hỏi về hai trăm, tức là có thân ngã, tham thân chấp có Tôi Ta, có trong, có ngoài, nơi có nơi không, mọi đối tượng có thể nêu vấn nạn, đều nhằm dứt trừ về Tôi, Ta, trong ngài, có, không, tức có Quyền tuệ để mở bày, giáo hóa không biên vực. “Đáp lại là hai ngàn”: Tức mười phương, tất cả đều vân tập

đến Pháp hội, tâm niệm đều khác, ý hành chẳng đồng. “Các vị thông đạt” tức nghe pháp quan trọng thì do đấy mà thấu tỏ về đạo. “Người không hiểu thông đạt” là phải giảng diễn nhiều lời, dùng văn từ dẫn dụ chỉ bày về nghĩa lý sâu xa, từ chỗ thấy hình sắc để dụ về ý nghĩa, mới có được sự trí tuệ, lãnh hội. Kinh này gồm sáu quyển (Kinh độ Thế Phẩm) hết phần văn xuôi thì có hai trăm ba mươi hai tụng, Ý nghĩa ết sức phong phú, sâu xa.

Sớ câu: “Trong phần được mang tên, nói: Tánh không của thế gian tức là xuất thế gian”: Tức nơi Kinh Tịnh Danh, Phẩm Pháp môn Bất Nhị, tức nay đã nêu dẫn, là kiến giải của Bồ-tát Na La Diên.

Từ câu: “Hai là biện minh về chỗ lia của Sự” tiếp xuống: Là nêu dẫn kệ nơi phẩm thập Hạnh, về nghĩa tức có thể nhận biết. Kinh Độ Thế Phẩm viết: “Tên của Phẩm gọi là độ (Vượt qua) tức tất cả chúng sinh bị giới hạn nơi thế gian, luôn bị năm Ấm, sáu Trần che phủ, trôi lăn triền miên trong sinh tử, chẳng thể tự vượt khỏi. Phải nhờ nơi phương tiện quyền xảo nơi Trí Tuệ Ba-la-mật để diệt trừ năm Ấm, Trần, dứt mọi chấp về Tôi, Ta, chẳng ở nơi sinh tử, chẳng trụ nơi diệt độ. Ví như mặt trời, mặt trăng ngày đêm phát ra Ánh sáng, trí tuệ phương tiện cũng như thế. Hốt nhiên không có dấu vết, đức như Hư không”.

Sớ câu: “Kinh viết: Phật thường tại thế gian”: Tức là Kinh Pháp thân. Nửa sau kệ ấy viết:

*“Chẳng phân biệt thế gian
Kính lễ không chón Quán”*

Sớ câu: “Nhưng nay trong văn v.v...”: Là căn cứ riêng nơi phần được mang tên. Gồm hai:

Một: Hiển bày riêng về ba nghĩa ở trên.

Hai: Phần tiếp theo là kết hợp để giải thích văn của Kinh, biện minh đủ về ba nghĩa.

Từ câu: “Hoặc Sự, Hoặc Lý” tiếp xuống: Là tổng kết.

Tuy nhiên, “Hoặc Sự” tức chỗ lia của sự ở trước. “Hoặc Lý” tức chỗ lia của Tánh ở trước. Ở đây, chính thức căn cứ nơi nhân quả của pháp, tức gồm luôn việc tóm kết về Hành, Vị ở trước. Về phần “Giải thích tên gọi của Phẩm”, văn nơi phần Sớ giải để lãnh hội nên không giải thích thêm.

Sớ từ câu: “Trong phần hai nêu rõ Phật có hai mươi mốt thứ công đức thù thắng” tiếp xuống: Tức đã chỉ rõ chỗ giải thích ở phần trước. (Nơi phẩm Lên cõi trời Đâu Suất) Phần Sớ sao chẳng phiên nêu lại.

Sớ câu: “Trước tức nhiều người gồm đủ đức”:

Là do nêu lên số nhiều. Tiếp theo là Tán thán. Phần sau dẫn Bồ-tát Phổ Hiền với các bậc Hiền thiện hơn hết để tán thán về đức.

Sớ câu: “Chín câu còn lại, như thứ lớp, trước đã phối hợp giải thích”: Như trước nói:

Một là: Khế hợp với lý, nguyện viên mãn, tức là giải thích về đức. “Phổ Nhân viên mãn” tức là thuộc về người.

Hai là: Thâu tóm pháp là đứng đầu, tức hiển bày về đức.

Nói: “Là Phổ Hóa” tức Bồ-tát Phổ Hóa.

Ba là: Thọ trì chánh pháp, tức hiển bày về đức. “Có Phổ Tuệ” tức là Bồ-tát v.v...

Sớ câu: “Phật Hoa Nghiêm, tức muôn hạnh được bày rõ, trang nghiêm nơi Pháp thân”: Tức giải thích Tam muội Phật Hoa Nghiêm. Hoa là muôn hạnh của Bồ-tát, do Nhân có thể tạo cảm ứng nơi Quả.

Nói: “Như Hoa Nghiêm”: Tức Hành thành tựu, Quả viên mãn, khế hợp tương ứng. Mọi thứ cấu uế, chướng ngại bên ngoài đều tiêu trừ. Chứng đắc lý viên mãn, trong sạch, theo dụng mà tán thán đức, nên gọi là Nghiêm. “Tam muội” là Lý, Trí không hai, dung thông thấu triệt. Đây, kia cùng bật, chủ khách cùng dứt. Cũng có thể cho Hoa tức là Nghiêm, vì Lý, Trí không ngăn ngại. Hoa Nghiêm tức Tam muội, do Hành dung thông, lia mọi kiến giải. Hoa tức là Nghiêm, vì một Hành liên tu tất cả Hành. Hoa Nghiêm Tam muội là một Hành tức nhiều Hành, nhưng không ngăn ngại một. Hoa Nghiêm tức Tam muội, là do định, loạn cùng dung thông. Tam muội tức Hoa Nghiêm, vì Lý, Trí là Như Như. Tấn Kinh viết:

“Hết thấy tự tại, khó nghĩ bàn

Diệu lực của Tam muội Hoa Nghiêm”.

Đây tức căn cứ nơi Hành để nêu bày, gọi là Tam muội Hoa Nghiêm như nơi Phẩm Hiền Thủ.

Sớ từ câu: “Trước đều có sự gia hộ” tiếp xuống: Trên là giải thích tóm lược về văn. Từ đây trở xuống là đối chiếu với trước để nhận xét, phân biệt. Nhưng có hai ý:

1) Tự, Tha đối chiếu để hiển bày.

2) Cũng nhằm thông tỏ vấn nạn ngầm. Vấn nạn nêu: Trước giải thích về nhập định, gọi là thọ nhận sự gia hộ của Phật. Nay không có sự việc ấy thì đâu phải là nhập định? Nên vì đấy mà cần thông tỏ. Phần tóm kết Nói: Có nhiều nguyên do, không thể đối chiếu để nêu vấn nạn”.

Sớ câu: “Do dụng vô ngại nên một câu là nêu chung cho các câu

kia”: Phần tiếp sau là nêu câu hỏi riêng gồm mười câu hỏi về dụng vô ngại của chúng sinh. Văn của phần sau đều dùng mười câu để đáp lại. Câu nói về dụng vô ngại tức dùng mười câu như dụng vô ngại của chúng sinh để giải thích, nêu rõ là câu giả đặt.

Sớ câu: “Kinh này tổng cộng có ba lượt nói sáu quả vị”: Ở trên là phân định trực tiếp để giải thích. Nay nêu ra làm sáu nguyên do. Phần này gồm năm:

Một: Chính thức biện minh.

Nói: “Ba lượt thuyết giảng”: Tức: Một là nhân quả sai biệt, là lượt thứ nhất. Nơi phẩm Pháp Giới ở sau dựa vào quả vị tu hành là lượt thứ ba. Cho nên đây là lượt thứ hai. Đã cho đây là căn cứ theo Hành mà nói tức biết trước là căn cứ theo Giải (Lãnh hội), sau là căn cứ nơi Chứng .

Hai: Từ câu: “Nên Kinh Độ Thế” tiếp xuống: Là dẫn chứng, để làm sáng tỏ hai nghĩa ấy: Một là chứng minh căn cứ nơi Hành, gọi là Hành của các Bồ-tát. Hai là chứng minh về sáu Quả vị, gọi là từ đầu đến cuối.

Ba: Từ câu: “Kinh kia (Kinh độ Thế Phẩm) tuy chẳng phối hợp” tiếp xuống: Là nhằm ngăn chặn vấn nạn ngầm. Tức sợ có vấn nạn: Đã gọi là đầu cuối, thì đâu cần phải phối hợp với Tín v.v...? Nên vì đây mà cần thông tỏ.

Bốn: Từ câu: “Kinh này sở dĩ” tiếp xuống: Là kết hợp với Kinh hiện tại (Kinh Hoa Nghiêm), cũng là để thông tỏ chỗ vướng mắc. Vương mắc nêu: Trong Kinh kia có hỏi đáp từng phần riêng giả như thuận phối kết với quả vị thì trong đó là câu hỏi chung, sao có thể đối chiếu với phần ấy? Nên ở đây cần thông tỏ.

Năm: Từ câu: “Kinh này trên dưới cùng với Kinh Bản Nghiệp”:

Là lãnh hội cách giải thích khác. Tức đả phá kiến giải của sách San định Ký. Gồm hai chi tiết:

Thứ nhất: Nêu ra chỗ vấn nạn kia.

Thứ hai: Kết hợp để giải thích. Nay nói chi tiết thứ nhất tức vấn nạn của San định ký. Nhưng ý hỏi trong đây không vấn nạn về mười Tín mà vấn nạn về mười trụ cũng làm sáu đoạn. Nghĩa là bốn đoạn trước là ba hiền mười Thánh, hai đoạn sau tức Đẳng giác, Diệu giác, tức biết sáu đoạn hết thấy đều chẳng đồng. Cho rằng Tín là Trụ, Trụ là Hành, Hành là Hưởng, Hưởng là Địa, Địa là Đẳng giác, cho nhân quả viên mãn là Diệu giác. Sự phân định này đã sai trái khiến cho Ngài Tuệ Uyển không hiểu một câu trong một phẩm nơi Kinh, nên phân định sáu đoạn đều lầm.

Sớ Từ câu: “Đây có ý sâu xa” tiếp xuống: Là phần Sớ giải công việc kết hợp, giải thích. Tức đáp lại chỗ vấn nạn kia. Gồm năm phần:

Một: Biện minh tổng quát là Hành, trước hết là có mười Tín.

Hai: Từ câu: “Quả vị Đẳng giác” tiếp xuống: Là giải thích nguyên do không nêu bày về Đẳng Giác. Tuy nêu lên ba nghĩa nhưng chọn lấy nghĩa thứ ba để nêu bày riêng, song thân tóm ở trong phần thứ sáu là Nhân viên mãn.

Ba: Từ câu: “Như thế, trong đó dựa nơi ngôn từ”: Tiếp xuống: Là nêu ra nghĩa biện hộ của sách San định Ký, muốn cho phần đầu là hỏi về mười Trụ.

Bốn: Từ câu: “Chỗ vấn nạn này càng trái” tiếp xuống: Là phần Sớ giải đả phá chỗ vấn nêu dẫn kia chẳng hiểu được ý của văn.

Năm: Từ câu: “Chẳng cứu xét về ý nghĩa sâu xa ấy” tiếp xuống: Là tóm kết, phê phán. Chữ Viện là viện dẫn. Tức nêu dẫn văn chẳng thích hợp với nghĩa lý sâu xa nên hoàn toàn sai trái.

Ở trên đã phân định Ngài chẳng hiểu một câu, cho Tín là Trụ, rõ ràng là chẳng hiểu Tín mà cũng chẳng rõ về Trụ. Cho Trụ là Hành chứng tỏ chẳng hiểu về Hành cũng chẳng rõ nơi Trụ. Cho nên nơi một phẩm kinh mà chẳng lãnh hội đúng một câu.

Sớ câu: “Đại sư Anh nói: Mây hưng khởi hai trăm câu hỏi v.v... câu v.v...”: Tức phần viết kia có sự lễ tán về chín Hội. Hội thứ tám viết:

*“Pháp môn lại hiện bày
Mưa pháp lại tuôn chảy
Sông Huyền hai trăm hỏi
Bình viết hai ngàn đáp
Nhất tâm tận biển tánh
Muôn hạnh sáng cùng tu
Năm bậc nhân thành đủ
Tám tướng quả tròn đầy”.*

Nay đã lược dẫn hai câu, lại đổi chữ “sông Huyền” thành chữ “Mây hưng”.

Sớ Câu: “Hành, Vị của Phổ Hiền chỉ rõ sự thành Phật”: Tức chung hưởng về bốn môn, là nghĩa của Quả.

Sớ câu: “Như thế thì riêng, khắp đều gồm đủ”: Trên là chính thức giải thích về riêng, khắp. Từ đây trở xuống là thông tỏ chỗ vướng mắc.

Từ câu: “Chẳng phải cho là giữ lấy khắp” tiếp xuống: Là phần giải thích. Giải thích có hai ý:

Thứ nhất: Riêng chẳng làm mất khắp (chung) nên gọi là Phổ Hiền, không gọi là Biệt Hiền.

Thứ hai: Từ câu: “Lại, khắp ắt có riêng” tiếp xuống: Là nêu rõ riêng thì không hẳn là khắp. Còn nêu khắp thì có thể thâm tóm riêng, nên gọi là Phổ Hiền.

Từ câu: “Như một sợi tơ” tiếp xuống: Là nêu ra chỗ Riêng không có Khắp, do sợi tơ của bên ngoài tẩm Gấm nên không hẳn là Khắp. Tức có sợi tơ thì chưa hẳn là có tẩm Gấm. Nhưng có tẩm Gấm thì ắt có sợi Tơ. Cũng gồm luôn việc xác nhận về nghĩa trước là Riêng chẳng làm mất Khắp, là Riêng trong Khắp.

Sớ từ câu: “Đây chính là ngang bằng với Pháp giới vô cực”: Là phần tóm kết, tán thán.

Sớ từ câu: “Nay nói về phần một. Một môn một loại” tiếp xuống: Văn nơi phần Sớ giải gồm bốn:

Một: Nêu tổng quát.

Hai: Từ câu: “Đầu tiên là nêu rõ về chỗ dựa” tiếp xuống: Là biện biệt về ý nối tiếp của môn thứ nhất.

Ba: Từ câu: “Nhưng hai trăm môn” tiếp xuống: Là phân định chung về các đoạn.

Bốn: Từ câu: “Nay, văn nơi chỗ nương tựa ấy” tiếp xuống: Là chính thức giải thích văn của kinh.

Sớ từ câu: “Quên mất Tâm Bồ đề” tiếp xuống: Là văn nơi quyển thứ năm mươi tám.

Sớ câu: “Một chút Thiện nhỏ nhoi v.v...”: Tức nơi Phẩm Hồi Hưởng đã giải thích.

Từ câu: “Văn Thù nói: Ta chẳng thấy một pháp nào” tiếp xuống: Tức nơi Kinh đại Bát-nhã, Phần Mạn Thù Thất Lợi, trước cũng đã dẫn.

Sớ câu: “Kinh Niết-bàn nói Pháp của ngoại đạo v.v...”: Tức trong phần chính của quyển thứ nhất, cũng đã nêu dẫn về ý của văn.

Sớ câu: “Ba là nhập vào lợi ích. Tức sự chê bai có hai nghĩa”: Do có thể chứng đắc nẻo Thật mới không còn sự chê bai nhỏ nhặt. Tức là lợi ích.

Sớ câu: “Chẳng phải là hiển bày sự thọ ký cùng khác. Như Luận du Già v.v...”: Như Kinh, quyển thứ năm mươi lăm tiếp sau nói không hủy hoại trong phần nêu về mười thứ Thọ ký nơi phẩm Hồi Hưởng. Luận Du Già tức thuộc phần Bồ-tát địa, do sáu Tướng nên được xem là Phật thọ ký:

Một: An trụ nơi Chủng tánh, chưa phải hàng phát tâm.

Hai: Đã là hàng phát tâm.

Ba: Trụ nơi Hiện tiền.

Bốn: Chẳng trụ nơi Hiện tiền.

Năm: Có định về thời hạn. Tức là vào thời ấy sẽ chứng đắc Bồ đề.

Sáu: Không định về thời hạn. Tức chẳng nói về thời hạn được thọ ký.

Lại như Kinh Thiện Giới nói chẳng phải là người của Chủng tánh cũng được thọ ký. Như Bồ-tát Thường Bất Khinh thọ ký cho bốn chúng. Chủng tánh là như mười Tín được thọ ký.

Sớ từ câu: “Lại, ở đây căn cứ nơi mười Tín” tiếp xuống: Là tóm kết, xác nhận nghĩa trên. Tức được thọ ký. Luận Du Già căn cứ theo chiều dọc để nói về thọ ký nên cùng khác.

Sớ câu: “Thứ sáu là nói về ba đời”: Văn nơi phần Sớ giải gồm hai:

Một: Giải thích về tên gọi chung.

Hai: Từ câu: “Trong mười đời” tiếp xuống: Là giải thích riêng. Nơi phần giải thích, văn gồm hai:

Thứ nhất: Lược bớt văn của Kinh, do trong văn nói về ba đời không đồng.

Thứ hai: Từ câu: “Nhưng ba đời ấy” tiếp xuống: Là giải thích về nghĩa của mười đời. Gồm bốn chi tiết:

Một là: Trình bày ra

Hai là: Từ câu: “Cổ nhân” tiếp xuống: Là nêu ra cách giải thích từ trước.

Ba là: Từ câu: “Nếu dựa vào đấy” tiếp xuống: Là biện giải về chỗ trái.

Bốn là: Từ câu: “Nay cho là” tiếp xuống: Là bàn rộng về nghĩa chính. Phần này gồm ba cách giải thích :

Một: Căn cứ đủ nơi chín đời là duyên khởi cùng tạo để giải thích. Xưa nêu ra dùng chín ngày mà làm chín đời, đối với Lý không mâu thuẫn.

Hai: Từ câu: “Chỉ dùng ba đời” tiếp xuống: Là dùng ba đời là duyên khởi cùng tạo để giải thích.

Ba: Là chỉ căn cứ theo một niệm để giải thích.

Trong cách giải thích thứ hai, gồm hai chi tiết:

Thứ nhất: Nêu rõ về chín đời.

Thứ hai: Xác nhận về mười đời.

Nơi chi tiết thứ nhất lại gồm ba.

Một: Chính thức biện minh.

Hai: Dẫn chứng.

Ba: Giải thích chỗ vướng mắc.

Nay nói về phần một: Là chính thức biện minh. Tức ý nơi Trung Luận “phẩm phá chấp về Thời”. Nghĩa là Tiểu thừa cho là có Thời gian thật. Bồ-tát dùng môn “Cùng đối đãi” để đả phá:

*“Nếu nhân thời quá khứ
Có hiện tại, vị lai
Thời hiện tại, vị lai
Nên gọi là quá khứ
Nếu trong thời quá khứ
Không hiện tại, vị lai
Thời hiện tại, vị lai
Làm sao nhân quá khứ?”*

Giải thích: Ý của Trung Luận đây là dùng quá khứ làm nhân, hiện tại, vị lai là quả. Quả do Nhân có nên không có hai thời. Kệ trước là giả sử để xác nhận, tức Quả nên gọi là Nhân, cũng là trong Nhân có Quả. Kệ sau là phủ nhận về Nhân kia, đã chẳng gọi là Quả thì Quả chẳng từ nơi Nhân. Cho nên cũng cho hiện tại là Nhân, quá khứ, vị lai là Quả. Vị lai là Nhân. quá khứ, Hiện tại là Quả. Chỉ dùng phần văn xuôi để đối chiếu.

Nay phần Số giải biện minh đủ. Nhưng dùng một làm Quả, dùng hai làm Nhân. Trước hết là dùng quá khứ làm Quả. Hiện tại, vị lai là Nhân. Tức là trong quả của quá khứ phải có Nhân dấy khởi, do vậy phần dẫn chứng ở sau viết: “Nếu chỗ nhân của Pháp xuất thì Pháp chẳng khác nhân, Tức Quả chẳng khác Nhân, là trong Quả có Nhân.

Tiếp theo: Từ câu: “Hiện tại, vị lai” tiếp xuống: Là đối chiếu để giải thích về hai đời là Quả. Cũng đều dùng hai đời làm Nhân. Tức quả của hiện tại Nhân nơi quá khứ, vị lai. quả của vị lai, Nhân nơi quá khứ, hiện tại.

Từ câu: “Là do ba đời đều có ba” tiếp xuống: Là tổng kết.

Số từ câu: “Trung Quán viết” tiếp xuống: Là phần hai, dẫn chứng. Tức là nơi quyển thứ hai, phẩm “quán về Hợp”. Văn đầy đủ là:

*“Nhân khác, khác có khác
Khác lìa khác, không khác
Nếu Pháp từ nhân xuất
Pháp ấy chẳng khác nhân”.*

Nơi phẩm mười Thông đã dẫn. Ở đây chỉ chọn lấy một nghĩa “Quả chẳng khác nhân”. Như nhân nơi cột, kèo v.v... để thành ngôi nhà. Cho nên cột, kèo v.v... nếu bị hư hoại thì nhà cũng bị hư hoại. Là Quả chẳng khác Nhân. Nếu Quả chẳng khác Nhân thì quá khứ là Quả tức nên gọi là hiện tại, vị lai. Hiện tại, vị lai tức là nhân của quá khứ.

Sớ từ câu: “Trung Luận phá chấp” tiếp xuống: Là phần ba, giải đáp chỗ vướng mắc. Vướng mắc nêu: Ở đây là Trung Luận đả phá về thời gian, tức trong Quả có Nhân, trong Nhân có Quả, đã thành lẫn lộn, đã cho chẳng cùng có, tức rõ là không định về thời. Nay vì sao đem lỗi lầm cho là đức? Nên vì đấy mà cần thông tỏ. Loại trừ chấp và thành đức là hai nghĩa hoàn toàn khác nhau. Nếu chấp ba thời có tánh cố định thì hãy còn chẳng thể thấy lý của Vô tánh, sao biết được trong một gồm đủ ba. Nay, do Vô tánh mới hỗ tương, do đấy thành Vô tận.

Sớ từ câu: “Do Bệnh thành thuốc” tiếp xuống: Là tóm kết, tán thán về công năng kia.

Sớ từ câu: “Nói chung” tiếp xuống: Là giải thích, xác nhận về mười đời, có thể nhận biết.

Sớ từ câu: “Tức một Niệm này” tiếp xuống: Là xác nhận về chín, mười đời. Trước tiên là xác nhận về chín đời. Một Niệm ấy trên tuy n hân nơi trước sau, nhưng ba đời kia hoàn toàn ở trong một Niệm. Ba của trong một lại hỗ tương làm nhân, nên là chín đời. một Niệm của gốc nên là mười.

Sớ từ câu: “Nên dùng một dung thông” tiếp xuống: Là dùng một đối chiếu với chín cùng dung thông, cùng thành, tóm kết, xác nhận về nghĩa trên. Chín là căn cứ theo nghĩa. Một là căn cứ nơi Thể thật. Thể dụng cùng dung thông, nên luôn là chín, luôn là một không có chướng ngại. Thể Dụng cùng xâm đoạt thì là tướng của chín, một nên đồng với Biển quả.

Sớ từ câu: “Nhờ đủ làm mười” tiếp xuống: Là thâm gồm chung về nghĩa chính ở trước. Cũng là giải thích chỗ nghi vấn. Nghi vấn nêu: “đã cho là dứt tuyệt ngôn từ mà là biển quả thì đâu cần phải là mười?” Nên ở đây giải thích: Nhờ vào đấy làm môn, tức là sự thuyết giảng lớn. Đồng với quả, dứt tuyệt ngôn từ tức nghĩa lớn. Thứ nhất tức là nghĩa của Viên giáo.

Thứ hai: Từ câu: “Huống chi tích chứa các Niệm” tiếp xuống: Là nghĩa của Thủy giáo.

Thứ ba: Câu: “Lại, Vô niệm v.v...”: Là nghĩa của Đốn giáo.

Thứ tư: Câu: “Lại, Pháp tánh đồng” Tức là nghĩa của Chung giáo.

Cho nên phần tóm kết viết: “Có bốn, ba nghĩa sau của bốn nghĩa là chung cho các Tông còn lại”. Tức là các Tông Đại thừa như Tông Pháp tướng, Vô Tướng.

Trên là chọn lấy nghĩa đồng. Nếu chọn nghĩa riêng thì nghĩa thứ tư Pháp tánh đồng tức là môn của Lý, Tánh dung thông, chính là nghĩa của Viên giáo. Cho nên nói: “Ba nghĩa sau là chung cho các Tông còn lại”, Chẳng phải là hoàn toàn đồng với các Tông còn lại. Tức hiển bày nghĩa hai, ba cũng là Nhất Thừa đồng giáo với Tông này.

Nếu dùng Pháp tánh dung thông để giải thích, thì rõ ràng chín đời ấy không có Thể riêng, chỉ dựa nơi duyên khởi. Duyên khởi Vô tánh tức Lý Tánh dung thông một cách đích thực. Nay, về Thời dung thông tự tại, Vô ngại, lược có bốn lớp:

Một: Cùng dứt bật, là đều tận.

Hai: Cùng đem cho, tức cả hai tồn tại.

Ba: Cùng tùy thuộc, cùng thâm tóm.

Bốn: Cùng là cùng tức.

Trong lớp thứ nhất, do gốc theo ngọn nên chỉ có Sự, không có Lý, do ngọn theo gốc nên chỉ có Lý, không có Sự.

Nơi lớp thứ hai: Toàn Lý của Sự nên chẳng phải là Sự, là một Tướng không có Thời. Toàn Sự của Lý nên chẳng phải là Lý, là chín đời không lẫn lộn.

Trong lớp thứ ba: Do tùy theo Lý của Sự, nên khiến một Thời có thể dung nạp tất cả Thời, do tùy theo Sự của Lý, nên khiến tất cả Thời theo Lý nhập trong một Thời

Nhiều, một thì ngược lại trên, cùng hội nhập có thể nhận biết.

Trong lớp thứ tư: Do tức Sự của Lý, nên khiến một Thời tức tất cả Thời, do tức Lý của Sự nên khiến tất cả Thời tức là một Thời.

Chỉ có Lý không vật thì có thể tương tức tương nhập. Chỉ có Sự cùng ngăn ngại thì chẳng thể tức, nhập. Suy xét thì có thể thấy rõ.

Sớ câu: “Thứ nhất là thị hiện thành Chánh giác, tức trước là Thân Bồ đề”: Chỉ là do sự sai khác giữa tiếng Phạn tiếng Hoa (Đường).

Sớ từ câu: “Chín là thấu tỏ về Bản tánh”: Tức chẳng phải là căn cứ nơi đối tượng được thấu tỏ. Đối tượng được thấu tỏ tức là Pháp giới

Từ câu: “Nhưng Phật là” tiếp xuống: Là kết hợp để giải thích về hai môn. Là tên gọi tổng. Rộng nói như trong chương riêng, tức trong phần “giáo nghĩa phân tề” của chương môn Sớ giải Hoa nghiêm.

Sớ từ câu: “Phần văn chính thứ hai, phát tâm của Phổ Hiền”: Tiếp xuống: Văn nơi phần Sớ giải gồm sáu:

Một: Nêu chương.

Hai: Từ câu: “Bậc cổ đức” tiếp xuống: Là nêu ra cách giải thích đã có từ trước.

Ba: Từ câu: “Chẳng phải là không có lý” tiếp xuống: Là mở rộng để xác nhận.

Bốn: Từ câu: “Nay do thuận theo” tiếp xuống: Là chính thức giải thích.

Năm: Từ câu: “Nếu dựa theo Viên dung” tiếp xuống: Là nhằm thông tỏ chỗ vướng mắc.

Sáu: Từ câu: “Bốn môn đầu” tiếp xuống: Là chính thức dựa vào Quả vị để nhận định. Phần văn tiếp sau là giải thích.

Số câu: “Nay nói về phần một. Phát khởi chung gọi là tâm của Phổ Hiền”: Nơi phần nêu ra, văn gồm ba:

Một: Căn cứ nơi ba Tâm Bồ đề để giải thích.

Hai: Từ câu: “Lại, bảy thức trước là” tiếp xuống: Là căn cứ nơi hai sự cứu giúp để giải thích.

Ba: Từ câu: “Lại nữa, ba loại đầu” tiếp xuống: Là căn cứ theo bốn thế nguyện lớn để giải thích.

Số câu: “Cũng tức là Hành của phần Thắng tiến ở trước”: Phần Số giải chỉ nêu lên hai so với tám Hành còn lại. Mười Hành là:

Một: Siêng năng cúng dường Phật.

Hai: Vui thích trụ nơi sinh tử.

Ba: Làm chủ việc dẫn dắt thế gian, khiến trừ bỏ nghiệp ác.

Bốn: Dùng giáo pháp thù thắng, vi diệu, luôn thực hiện chỉ dạy.

Năm: Tán dương pháp vô thượng.

Sáu: Tu học theo công đức của Phật.

Bảy: Sinh trước chư Phật luôn mong được thấu nhận, trao truyền.

Tám: Dùng phương tiện để giảng nói về Tam muội tịch tĩnh.

Chín: Tán thán sự xa lìa luân hồi, sinh tử.

Mười: Vì các chúng sinh khổ não, làm nơi chốn trở về nương tựa cho họ.

Số câu: “Văn, tướng phần nhiều giống nhau, sợ nhiều nên không kết hợp.” Nay sẽ thực hiện sự kết hợp:

Một tức thứ hai.

Hai tức thứ nhất.

Ba, bốn, năm, sáu thì như thứ lớp kia.

Bảy tức là thứ chín.

Tám tức là thứ bảy.

Chín tức là thứ tám.

Mười thành đại Bồ đề, mới có khả năng làm chỗ nương tựa cho chúng sinh khổ não.

Trong chỗ kết hợp có một vài sự sai khác nhỏ. Nhưng sự kết hợp về ý thì đồng.

Sớ câu: “Đây so với, trong phần Hành Tự phần, ở trước thì nhân duyên phát tâm cùng có tóm lược”: Tức mười Hành nơi Kinh kia là:

Một: Thấy dung mạo đoan nghiêm của Phật Thế Tôn.

Hai: Sắc tướng viên mãn.

Ba: Là chỗ ưa thích trông thấy của mọi người.

Bốn: Khó có thể gặp gỡ.

Năm: Có uy lực lớn

Sáu: Hoặc thấy thần túc.

Bảy: Hoặc nghe sự thọ ký.

Tám: Hoặc lắng nghe sự chỉ dạy.

Chín: Hoặc thấy các chúng sinh phải chịu khổ não dữ dội.

Mười: Hoặc nghe Như Lai nói về pháp Phật rộng lớn thì phát tâm Bồ đề cầu đạt Nhất Thiết Trí.

Nay nói “Tóm lược” tức năm Hành trước là “dưới thì hóa độ chúng sinh” đối với trước là Hành thứ chín.

“Hoặc thấy chúng sinh phải chịu khổ não dữ dội”, tức chính là Hành thứ hai, tức phần kia tóm lược mà ở đây là diễn rộng. Một nghĩa kia bao hàm năm nghĩa này tức ở đây là tóm lược.

Năm Hành sau, tức trên cầu Phật đạo, thì Hành thứ sáu, thứ tám tức thấu tóm sáu Hành trước của phần kia, nên ở đây tóm lược mà kia thì diễn rộng. Hành thứ bảy tức trước là hành bảy, tám, (Thọ ký, chỉ dạy). Hành chín, mười tức hành thứ mười của phần kia (Pháp Phật rộng lớn). Cho nên nói là “Tóm lược”.

Sớ câu: “Năm câu sau tức đây, kia cùng thiếu”: năm câu của phần kia tức thấu nhận, gìn giữ, đồng với Tâm của bậc Thầy nơi mình, Tâm của bậc Thầy dẫn dắt. Phần kia thiếu năm câu này, có thể nhận biết.

Sớ câu: “Môn này nêu rõ trong phần Thắng tiến đã gần gũi với Thiện tri thức”: Phần kia gồm đủ mười câu, đó là: Tụng tập, thấy nghe nhiều, trú nơi vắng vẻ tịch tĩnh, gần gũi bậc Thiện tri thức, lời nói hòa hợp, vui vẻ, ngôn từ ắt biết đúng lúc, Tâm không sợ hãi, thấu đạt nơi nghĩa, như pháp tu hành, xa lìa sự ngu tối mê lầm, an trụ nơi bất động.

Giải thích: Bốn câu sau ở trong phần thanh tịnh sau. Nay nói: “Gần gũi bậc Thiện tri thức” tức là câu thứ ba kia. Câu thứ ba là nêu

chung. Ba câu bốn, năm, sáu tiếp sau đều là đức của sự Phát tâm. Tức trong đó có ý riêng. Hai câu đầu của phần kia trong văn đã lược, không nêu.

Sớ câu: “Tiếng Phạm gọi: Ba Lợi Tuất đề”: Chữ Tuất () phát âm là Suất. “Suất đề” đây gọi là thanh tịnh. “Ba Lợi” là khắp, tận cùng.

Sớ câu: “Phần kinh kia chia một Tuệ làm mười quán sát”:

Kinh viết: “Bồ-tát này dùng mười thứ Hành để quán sát về tất cả các pháp. Những gì là mười? Đó là, quán tất cả các pháp là:

Một: Vô thường.

Hai: Khổ.

Ba: Không.

Bốn: Vô ngã.

Năm: Không tạo tác.

Sáu: Không vị (không mùi)

Bảy: Chẳng như tên gọi.

Tám: Không nơi chốn.

Chín: Là phân biệt.

Mười: Không chắc thật.

Sớ câu: “Tức mười pháp quán sát về cảnh giới của chúng sinh nơi phần Thắng tiến ở trước”: Kinh kia viết: “đó là quán sát về cảnh giới của chúng sinh, về thế giới. Quan sát về địa giới, thủy giới. Quan sát về cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc”. Phần tóm lược có thể nhận biết.

Sớ câu: “Thứ tư là một môn chứng tri, nêu rõ sinh nơi cao quý an trụ v.v...?”

Trong hành của Tự phần, kinh kia nêu: “Bồ-tát này, ở trong Thánh giáo thành tựu mười pháp. Những gì là mười? Đó là vĩnh viễn không thối chuyển. Ở chỗ chư Phật sinh khởi sự tin tưởng thanh tịnh, sâu xa. Khéo quán sát các pháp. Thấu tỏ về chúng sinh thế giới, quốc độ với các Hành nghiệp, Quả báo, Sinh tử, Niết-bàn. Phần kết hợp đồng dị của Sớ có thể nhận biết.

Sớ câu: “Chỉ nói: Chỗ tu tập các Hành đều vì chúng sinh”: Là chỉ tóm lược về nghĩa. Văn đầy đủ là:

Một: Đầu vì việc cứu giúp hết thảy chúng sinh.

Hai: Tạo lợi ích.

Ba: Tạo an lạc.

Bốn: Thương xót.

Năm: Độ thoát. Bốn phần trên đều giống với câu đầu, có cụm từ:

“Hết thấy chúng sinh”

Sáu: Khiến cho hết thấy chúng sinh là mọi tai nạn.

Bảy: Ra khỏi nẻo khổ sinh tử.

Tám: Phát sinh sự tin tưởng thanh tịnh.

Chín: Thấy được chế ngự, hàng phục.

Mười: Cùng chứng đắc Niết-bàn.

Năm câu sau phần trước đều có cụm từ: “Khiến cho hết thấy chúng sinh”.

Sớ câu: “Gồm luôn việc hiểu rõ về chúng sinh nơi phần Thắng tiến kia”: Kinh kia viết: BỒ-tát nên khuyến khích tu học mười pháp.

Những gì là mười? Đó là:

Một: Biết rõ về chúng sinh là mọi tai nạn.

Hai: Vô lượng.

Ba: Vô số.

Bốn: Chẳng thể nghĩ bàn.

Năm: Vô lượng sắc.

Sáu: Chẳng thể tính kể.

Bảy: Không.

Tám: Không chốn tạo tác.

Chín: Không có thực.

Mười: Không tự tánh.

Tất cả đều như câu đầu: “Biết rõ về chúng sinh”.

Sớ câu: “Nên nghe khen, chê, Tâm an định, không dao động”: Kinh kia viết: “Bồ-tát này nghe mười thứ pháp, Tâm an định, không động. Những gì là mười? Đó là:

Một: Nghe khen, chê Phật, ở trong pháp Phật, Tâm an định, không động.

Hai: Pháp.

Ba: Bồ-tát.

Bốn: Chỗ Hành hóa.

Năm: Nghe chúng sinh là Hữu lượng, Vô lượng.

Sáu: Chúng sinh có cấu nhiễm, không cấu nhiễm.

Bảy: Chúng sinh dễ hóa độ, khó hóa độ.

Tám: Pháp giới là Hữu lượng, Vô lượng.

Chín: Pháp giới hoặc có hoặc không.

Mười: Pháp giới có thành, có hoại.

Tất cả đều như câu đầu.

Sớ câu: “Tức Hành trong phần Thắng tiến kia”: Kinh kia nêu:

“Bồ-tát nên khuyến khích tu học mười pháp. Những gì là mười? Đó là:

Một: Tất cả pháp là vô tướng.

Hai: Không có Thể.

Ba: Không thể tu.

Bốn: Không sở hữu.

Năm: Không chân thật.

Sáu: Không.

Bảy: Không tự tánh.

Tám: Như huyễn hóa.

Chín: Như mộng.

Mười: Không phân biệt.

Đều như câu đầu, có cụm từ: “Tất cả các pháp là”. Trở lại như trước có thể theo đấy mà xét.

Sớ câu: “Cho nên nghe nói, Tâm không thối chuyển”: Phần lớn là đồng với bậc trước. Cũng có mười câu:

Một: Nghe có Phật, không Phật, ở trong pháp Phật, tâm không thối chuyển.

Hai: Có pháp không pháp.

Ba: Có Bồ-tát không Bồ-tát.

Bốn: Có Hạnh Bồ-tát, không Hạnh Bồ-tát.

Năm: Bồ-tát tu hành xuất ly, tu hành không xuất ly.

Sáu: quá khứ có Phật, quá khứ không có Phật.

Bảy: Vị lai.

Tám: Hiện tại (Giống với quá khứ).

Chín: Nghe Trí của Phật là Hữu tận, Vô tận.

Mười: Nghe ba đời là một Tướng, ba đời chẳng phải là một Tướng. Đều như câu đầu.

Sớ câu: “Kinh đại Bát Niết-bàn quyển thứ hai mươi tám đã biện minh rộng về Tướng thối chuyển, chẳng thối chuyển”: văn của kinh viết: “Có sáu thứ pháp hủy hoại Tâm Bồ đề. Những gì là sáu? Đó là:

Một: Tiếc lẫn đối với pháp.

Hai: Đối với các chúng sinh khởi Tâm bất thiện.

Ba: Gân gũi bạn ác.

Bốn: Chẳng siêng năng, tinh tấn.

Năm: Tự đại, kiêu mạn.

Sáu: Kinh doanh các sự nghiệp thế tục.

Giải thích: Không có sáu thứ này tức là “không thối chuyển”. Sớ câu: “Môn này tức thành của Tự phần, do ba nghiệp không lỗi

lầm, nên có, không rõ ràng rõ”: Văn đầy đủ là:

“Đó là Thân hành không lỗi lầm. Ngữ hành không lỗi lầm. Ý hành không lỗi lầm. Tùy ý thọ sanh. Biết rõ chúng sinh với vô số sự hiểu biết. Biết rõ về vô số cảnh giới của chúng sinh. Biết rõ về vô số nghiệp của chúng sinh. Biết rõ về thế giới thành hoại. thần túc tự tại, mọi nẻo hành hóa đều vô ngại”.

Nay phần Số giải phối hợp để dùng, có thể nhận biết.

Số câu: “Môn sau tức hiện bày sự biến hóa nơi phần Thắng tiến kia”: Kinh viết: “Bồ-tát ấy nên khuyến khích tu học mười pháp: Đó là:

Một: Biết về tất cả cõi Phật.

Hai: Tạo chuyển động.

Ba: Giữ vững.

Bốn: Quan sát.

Năm: Đi đến.

Sáu: Du hóa.

Các câu trên đều có cụm từ: “Tất cả cõi Phật”.

Bảy: Đi tới vô số thế giới.

Tám: Thọ nhận vô số pháp Phật.

Chín: Hiện bày sự biến hóa tự tại. Thân phát ra âm thanh hiện hữu khắp mọi nơi chốn.

Mười: Trong một sát na, cúng dường phụng sự vô số chư Phật. Nay phần Số giải chỉ nêu lên một, dùng chữ vân vân chỉ cho phần còn lại.

Số câu: “Nên có thể khéo nhận biết về mười pháp”.

Kinh kia nói: “Bồ-tát này khéo nhận biết về mười thứ pháp, đó là:

Một: Khéo nhận biết về sự thọ sinh của các chúng sinh.

Hai: Các thứ phiền não hiện khởi.

Ba: Các thứ Tập khí nối tiếp.

Bốn: Những phương tiện vốn thực hành.

Năm: Vô lượng pháp.

Sáu; Các oai nghi.

Bảy: Sự sai biệt của thế giới.

Tám: Các sự việc của đời trước, đời sau.

Chín: Giảng nói về Thế đế.

Mười: Giảng nói về Đệ-nhất-nghĩa-đế.

Mỗi mỗi câu đều có cụm từ: “Khéo nhận biết về”.

Số câu: “Môn sau tức học về trú xứ của Pháp vương nơi phần

Thắng Tiến”: Kinh viết: “Phật tử! Bồ-tát nên khuyến khích tu học mười pháp. Những gì là mười? Đó là:

Một: Sự khéo léo nơi trú xứ của Pháp Vương.

Hai: Phép tắc.

Ba: Cung điện.

Bốn: Hương nhập.

Năm: Quan sát.

Sáu: Pháp Quán đảnh.

Bảy: Diệu lực giữ vững.

Tám: Không sợ hãi.

Chín: Ngủ nghỉ.

Mười: Tán thán.

Phần Thắng tiến của Kinh kia viết: “Bồ-tát này nên khuyến khích tu học mười thứ Trí của chư Phật. Những gì là mười? Đó là:

Một: Trí về ba đời.

Hai: Trí về pháp Phật.

Ba: Trí về pháp giới Vô ngại.

Bốn: Trí về pháp giới vô biên.

Năm: Trí về pháp giới vô tận.

Sáu: Trí sung mãn về hết thủy thế giới.

Bảy: Trí soi chiếu khắp về tất cả thế giới.

Tám: Trí nhận biết về hết thủy chúng sinh.

Chín: Trí nhận biết về tất cả các pháp.

Mười: Trí nhận biết về vô biên chư Phật.

Số câu: “Sau, là mười thứ biến hóa, nên có thể tạo sự biến động nơi các cõi”: Tức mười pháp nơi phần Tự phần của Kinh kia. Kinh nói: “Bồ-tát này có thể thành tựu mười thứ Trí. Những gì là mười? Đó là:

Một: Làm chấn động vô số thế giới.

Hai: Chiếu sáng.

Ba: An trụ, giữ vững.

Bốn: Đi đến.

Năm: Làm nghiêm tịnh.

Năm phần trên đều có cụm từ: “Vô số thế giới”.

Sáu: Mở bày, chỉ rõ cho vô số chúng sinh.

Bảy: Quan sát vô số chúng sinh.

Tám: Nhận biết về căn tánh của Vô số chúng sinh.

Chín: Khiến vô số chúng sinh hưởng nhập.

Mười: Khiến cho vô số chúng sinh được điều phục.

Sớ câu: “Nhưng sự biến hóa này tức thật như hóa, chẳng phải cần hóa tác”. Nghĩa là duyên sinh như Hóa. Nếu là biến hóa là tạo từ không hốt nhiên có. Luận Phật Địa quyển thứ ba viết: “Hóa Thân có ba loại: Một là Biến hóa tương ứng với Tự thân. Như Tự thân hóa làm Luân Vương. Hai là Biến hóa tương ứng với Thân khác. Như biến hóa Vua là thân Phật. Ba là Biến hóa tương ứng với chẳng phải Thân. Như hóa đại địa thành châu báu. Nay đều chẳng phải như thế.

